

Số: /2025/QĐ-UBND

Phú Thọ, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy định quản lý dịch vụ sự nghiệp công và sản phẩm, dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn tỉnh Phú Thọ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 23/2016/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ về xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 258/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ về quản lý công viên, cây xanh, mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 13/2018/TT-BXD ngày 27 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp định giá dịch vụ thoát nước;

Căn cứ Thông tư số 14/2018/TT-BXD ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp định giá dịch vụ nghĩa trang và dịch vụ hỏa táng;

Căn cứ Thông tư số 12/2024/TT-BXD ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định và quản lý chi phí dịch vụ sự nghiệp công chiếu sáng đô thị, cây xanh đô thị;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định quản lý dịch vụ sự nghiệp công và sản phẩm, dịch vụ công ích trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý dịch vụ sự nghiệp công và sản phẩm, dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Quyết định này thay thế các Quyết định sau đây:

a) Quyết định số 20/2022/QĐ-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình ban hành quy định quản lý dịch vụ công, dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

b) Quyết định số 23/2023/QĐ-UBND ngày 24 tháng 8 năm 2023 của UBND tỉnh Hòa Bình sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định quản lý dịch vụ công, dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn tỉnh Hòa Bình ban hành kèm theo Quyết định số 20/2022/QĐ-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Quyết định số 41/2018/QĐ-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình quy định về tỷ lệ chi phí quản lý chung và lợi nhuận định mức trong dự toán chi phí dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

d) Quyết định số 169/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc quy định chi tiết tỷ lệ chi phí quản lý chung, lợi nhuận định mức trong dự toán dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

3. Bãi bỏ Điều 2 Quy định định mức tỷ lệ chi phí quản lý chung ban hành kèm theo Quyết định số 39/2022/QĐ-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ.

4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Website Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm tra VB và Quản lý xử lý vi phạm hành chính (Bộ Tư pháp);
- Đoàn ĐBQH;
- UBNDTTQVN tỉnh;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- HĐND tỉnh; các Ban của HĐND tỉnh;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Chánh, các Phó Chánh VPUBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin - Công báo;
- Các CVNCTH;
- Lưu: VT, CN4 (Đ).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Vũ Việt Văn

QUY ĐỊNH**Quản lý dịch vụ sự nghiệp công và sản phẩm, dịch vụ công ích
đô thị trên địa bàn tỉnh Phú Thọ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /2025/QĐ-UBND ngày tháng 12 năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ)*

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Quy định này quy định quản lý một số dịch vụ sự nghiệp công đô thị và sản phẩm, dịch vụ công ích đô thị sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

2. Dịch vụ sự nghiệp công đô thị gồm: Dịch vụ quản lý công viên, trồng và quản lý chăm sóc cây xanh, hoa cảnh vỉa hè, đường phố, dải phân cách, vòng xoay; Dịch vụ chiếu sáng công cộng.

3. Sản phẩm, dịch vụ công ích đô thị gồm: Dịch vụ tang lễ, nghĩa trang đô thị; Dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động dịch vụ sự nghiệp công đô thị và sản phẩm, dịch vụ công ích đô thị (sau đây gọi là sản phẩm, dịch vụ công) trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

2. Những nội dung không quy định trong Quy định này thì thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo quy định tương ứng tại văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

Điều 3. Phân cấp quản lý sản phẩm, dịch vụ công

1. Ủy ban nhân dân xã, phường (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã) tổ chức thực hiện quản lý dịch vụ sự nghiệp công đô thị và sản phẩm, dịch vụ công ích đô thị có phạm vi phục vụ trong 01 (một) đơn vị hành chính do mình quản lý.

2. Giao đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng về quản lý sản phẩm, dịch vụ công tổ chức thực hiện quản lý dịch vụ sự nghiệp công đô thị và sản phẩm, dịch vụ công ích đô thị có phạm vi phục vụ từ 02 (hai) đơn vị hành chính cấp xã trở lên.

3. Trường hợp đặc biệt khác do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Xác định tổng dự toán, dự toán chi phí

1. Tổng dự toán chi phí dịch vụ sản phẩm, dịch vụ công gồm: Dự toán chi phí dịch vụ sự nghiệp công; dự toán dịch vụ sản phẩm, dịch vụ công ích đô thị; chi phí quản lý và chi phí khác.

2. Dự toán chi phí dịch vụ sự nghiệp công, gồm: Chi phí trực tiếp; chi phí quản lý chung; thu nhập chịu thuế tính trước; thuế giá trị gia tăng (nếu có).

3. Phương pháp xác định dự toán dịch vụ sự nghiệp công; sản phẩm, dịch vụ công ích thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng.

4. Chi phí quản lý chung, sản xuất chung

a) Đối với các dịch vụ sự nghiệp công (dịch vụ quản lý công viên, trồng và quản lý chăm sóc cây xanh, hoa cảnh vỉa hè, đường phố, dải phân cách, vòng xoay; dịch vụ chiếu sáng công cộng, đèn trang trí và đèn tín hiệu giao thông) thì chi phí quản lý chung được xác định trên chi phí nhân công, cụ thể:

Đơn vị tính: %

Loại dịch vụ sự nghiệp công	Loại đô thị		
	I	II	III ÷ V
Dịch vụ cây xanh đô thị, chiếu sáng đô thị	48	47	45

Trường hợp chi phí sử dụng xe, máy, thiết bị thi công > 60% chi phí trực tiếp trong dự toán chi phí dịch vụ sự nghiệp công thì chi phí quản lý chung được xác định theo định mức tỷ lệ trên chi phí sử dụng xe, máy, thiết bị thi công. Định mức tỷ lệ 5%.

b) Chi phí sản xuất chung dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải được xác định chi tiết theo từng khoản chi phí và xác định theo định mức tỷ lệ phần trăm (%), thực hiện theo điểm d khoản 2 Điều 4 Thông tư số 13/2018/TT-BXD ngày 27 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, trong đó:

- Dịch vụ duy trì hệ thống thoát nước: 25% chi phí nhân công trực tiếp.

- Dịch vụ xử lý nước thải: 15% chi phí trực tiếp (gồm chi phí vật tư trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí máy, thiết bị trực tiếp).

c) Chi phí sản xuất chung đối với dịch vụ nghĩa trang và dịch vụ hỏa táng xác định bằng 18% của chi phí trực tiếp (bao gồm chi phí vật tư, chi phí nhân công, chi phí máy, thiết bị trực tiếp) theo điểm d khoản 4 Điều 4 Thông tư số 14/2018/TT-BXD ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp áp dụng dịch vụ thoát nước, xử lý nước thải, dịch vụ nghĩa trang và dịch vụ hỏa táng là các khoản chi phí chi cho bộ máy quản

lý và điều hành doanh nghiệp, điều hành cơ sở hỏa táng và được xác định bằng 5% của tổng chi phí sản xuất.

6. Lợi nhuận định mức

a) Đối với dự toán chi phí sản phẩm, dịch vụ công (không bao gồm dịch vụ thoát nước) được xác định bằng 5% trên chi phí trực tiếp và chi phí quản lý chung trong dự toán chi phí thực hiện dịch vụ sự nghiệp công quy định tại khoản 2 Điều 1.

b) Đối với dịch vụ thoát nước lợi nhuận định mức bằng 5% trên giá thành toàn bộ để xử lý 1m³ nước thải theo hướng dẫn tại Thông tư số 13/2018/TT-BXD.

7. Chi phí quản lý

a) Chi phí quản lý của các cơ quan nhà nước được xác định đối với dịch vụ sự nghiệp công quy định khoản 2 Điều 1 được xác định bằng phương pháp lập dự toán theo quy định tại khoản 1 Phụ lục số 4 Thông tư số 12/2024/TT-BXD; dự toán chi phí quản lý được xác định căn cứ vào khối lượng công việc, nội dung công việc, số lượng nhân lực, đặc điểm, điều kiện thực tế thực hiện, yêu cầu đối với từng loại dịch vụ, khả năng cân đối của ngân sách và quy định của pháp luật hiện hành;

b) Dự toán chi phí quản lý, gồm: Chi phí tổ chức thực hiện khảo sát, lập, thẩm định dự toán; chi phí phục vụ tổ chức đấu thầu, đặt hàng; chi phí thuê kiểm toán (nếu có) và các khoản chi phí khác phục vụ cho công tác quản lý sản phẩm, dịch vụ công;

8. Chi phí khác: Bao gồm chi phí khảo sát; chi phí lập, thẩm tra dự toán chi phí; chi phí giám sát; chi phí tư vấn đấu thầu; chi phí tư vấn thẩm định giá (nếu có); chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu...; Các chi phí nêu trên xác định bằng lập dự toán hoặc theo các quy định pháp luật hiện hành.

9. Thuế giá trị gia tăng (VAT) thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

10. Việc lập dự toán chi phí quản lý, giám sát và các chi phí khác trong dự toán chi phí sản phẩm, dịch vụ công; tổng hợp và tổng dự toán chi phí sản phẩm, dịch vụ công thực hiện theo 03 Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 5. Thẩm quyền tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt dự toán

1. Đối với kinh phí bố trí từ ngân sách cấp tỉnh: Các cơ quan, tổ chức được giao quản lý vốn hàng năm tổ chức lập tổng dự toán sản phẩm, dịch vụ công gửi Sở Tài chính thẩm định, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật hiện hành khác có liên quan.

2. Đối với kinh phí bố trí từ ngân sách cấp xã (bao gồm cả kinh phí từ ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ): Ủy ban nhân dân cấp xã giao phòng Kinh tế hoặc phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị chủ trì, phối hợp với phòng, ban và các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện lập, thẩm định dự toán và phương thức cung ứng sản phẩm, dịch vụ công thuộc phạm vi quản lý, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt.

Điều 6. Định mức kinh tế - kỹ thuật

1. Định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí áp dụng đối với sản phẩm, dịch vụ công làm cơ sở ban hành đơn giá, giá sản phẩm, dịch vụ công trên cơ sở do Bộ Xây dựng và Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ hướng dẫn, ban hành.

2. Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định ban hành, sửa đổi, bổ sung định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí (nếu có) áp dụng đối với sản phẩm, dịch vụ công làm cơ sở ban hành đơn giá, giá sản phẩm, dịch vụ công; tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, dịch vụ công; cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm, dịch vụ công, thuộc phạm vi quản lý của tỉnh theo quy định hiện hành.

3. Trường hợp công tác đặc thù, có yêu cầu kỹ thuật và điều kiện thực hiện khác với quy định trong tập định mức do cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc công tác chưa có định mức thì các cơ quan, đơn vị được giao quản lý sản phẩm, dịch vụ công căn cứ các hướng dẫn hiện hành của các bộ, cơ quan trung ương cùng số liệu thực tế (thành phần công việc, thành phần hao phí, đơn vị tính,...) tổ chức lập định mức dự toán gửi về Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thẩm định, trình cấp có thẩm quyền ban hành theo quy định.

4. Trường hợp vượt ngoài năng lực chuyên môn, được phép thuê tổ chức, cá nhân tư vấn có đủ điều kiện năng lực, kinh nghiệm để lập, thẩm định định mức, đơn giá, dự toán; kinh phí cho việc rà soát, xây dựng định mức, thuê tổ chức tư vấn được bố trí từ nguồn ngân sách hàng năm.

Điều 7. Đơn giá

1. Đơn giá sản phẩm, dịch vụ công được xác định trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí và giá các yếu tố đầu vào, bao gồm: Giá vật tư, vật liệu, nhiên liệu, điện năng; đơn giá nhân công, giá ca máy và thiết bị thi công,... theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Giá vật tư, vật liệu, nhiên liệu, điện năng, nhân công, ca máy và thiết bị thi công được xác định theo công bố giá của cơ quan có thẩm quyền tại thời điểm lập dự toán. Trường hợp yếu tố đầu vào chưa được công bố giá thì được phép sử dụng giá thị trường tại thời điểm lập dự toán, trên cơ sở ít nhất 03 báo giá, chào giá hợp lệ của các nhà cung cấp khác nhau.

3. Trường hợp vật tư, vật liệu, hàng hóa không có trong quyết định công bố giá và không có giá trên thị trường thì gửi đến cơ quan chức năng để được thẩm định, kiểm tra theo quy định.

Điều 8. Lựa chọn phương thức cung ứng sản phẩm, dịch vụ công

Việc lựa chọn phương thức cung ứng sản phẩm, dịch vụ công thực hiện theo hình thức đấu thầu. Trong trường hợp không đáp ứng được các điều kiện về đấu thầu và có văn bản chấp thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh về phương thức cung ứng sản phẩm, dịch vụ công là hình thức đặt hàng thì áp dụng phương thức cung ứng sản phẩm, dịch vụ công theo hình thức đặt hàng. Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc đơn vị được giao quản lý sản phẩm, dịch vụ công lập hồ sơ yêu cầu gửi cho đơn vị cung

ứng dịch vụ công. Căn cứ vào hồ sơ này, đơn vị cung ứng lập hồ sơ đề xuất đặt hàng gửi lại cho Ủy ban nhân dân cấp xã (hoặc đơn vị quản lý) để kiểm tra, xem xét và lựa chọn đơn vị thực hiện cung ứng sản phẩm, dịch vụ công.

Điều 9. Điều kiện, căn cứ trong trường hợp áp dụng phương thức đặt hàng cung ứng sản phẩm, dịch vụ công

1. Đối với dịch vụ sự nghiệp công đô thị

a) Điều kiện đặt hàng: Thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 12 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1 Điều 143 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

b) Căn cứ đặt hàng: Thực hiện theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP.

2. Đối với sản phẩm, dịch vụ công ích đô thị

a) Điều kiện đặt hàng: Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 4 Điều 143 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP và khoản 2 Điều 17 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP.

b) Căn cứ đặt hàng: Thực hiện theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP.

3. Trường hợp đặt hàng đối với sản phẩm, dịch vụ công có tính đặc thù từ nguồn ngân sách trung ương (nếu có), thực hiện theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 10. Tổ chức thực hiện các sản phẩm, dịch vụ công

1. Sau khi có Quyết định phê duyệt dự toán và phương thức thực hiện cung ứng sản phẩm, dịch vụ công của cơ quan có thẩm quyền, Ủy ban nhân dân cấp xã, các đơn vị được giao kinh phí thực hiện các sản phẩm, dịch vụ công tổ chức lựa chọn nhà thầu thực hiện cung ứng sản phẩm, dịch vụ công theo quy định cụ thể:

a) Đấu thầu

Thực hiện theo quy định tại Điều 16 và Điều 21 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP và các quy định tại Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu và các văn bản pháp lý khác có liên quan.

b) Đặt hàng

- Hình thức đặt hàng: Đơn vị được giao nhiệm vụ tổ chức thực hiện sản phẩm, dịch vụ công được giao làm chủ đầu tư quyết định đặt hàng nhà sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 32/2019/NĐ-CP và cơ quan, đơn vị được giao kinh phí đặt hàng ký hợp đồng sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công với đơn vị nhận đặt hàng theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 32/2019/NĐ-CP.

- Ủy ban nhân dân cấp xã (các đơn vị) lập hồ sơ yêu cầu gửi đơn vị cung ứng sản phẩm, dịch vụ công;

- Trên cơ sở hồ sơ yêu cầu, đơn vị cung ứng sản phẩm, dịch vụ công lập hồ sơ đề xuất đặt hàng gửi Ủy ban nhân dân cấp xã (các đơn vị);

- Ủy ban nhân dân cấp xã (các đơn vị) kiểm tra, xét hồ sơ đề xuất và lựa chọn đơn vị cung ứng sản phẩm, dịch vụ công.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã (các đơn vị) tổ chức ký hợp đồng với đơn vị cung ứng các sản phẩm, dịch vụ công đã được lựa chọn tại khoản 1 Điều này.

3. Căn cứ hợp đồng cung ứng sản phẩm, dịch vụ công đã được ký kết, các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thực hiện các dịch vụ sản phẩm, dịch vụ công đảm bảo đúng quy trình và yêu cầu theo quy định.

4. Công tác nghiệm thu khối lượng, chất lượng sản phẩm, dịch vụ công được tổ chức định kỳ theo quy định, hoặc đột xuất theo hợp đồng đã được ký kết.

5. Khi kết thúc các nhiệm vụ theo hợp đồng, Ủy ban nhân dân cấp xã (các đơn vị) có trách nhiệm tổ chức nghiệm thu các sản phẩm, dịch vụ công đã thực hiện và thanh lý hợp đồng với các tổ chức, cá nhân theo đúng quy định.

Điều 11. Phương thức nghiệm thu

1. Công tác nghiệm thu khối lượng, chất lượng sản phẩm, dịch vụ công được tổ chức định kỳ theo quy định, hoặc đột xuất theo hợp đồng đã được ký kết.

2. Hồ sơ nghiệm thu

Sổ nhật ký, biên bản nghiệm thu: Nội dung nghiệm thu phải chi tiết cho từng sản phẩm, dịch vụ công, phải thể hiện đầy đủ các tiêu chí: Khối lượng sản phẩm, dịch vụ công đã thực hiện; chất lượng công việc đã hoàn thành; thông số kỹ thuật theo đúng quy định của nhà nước.

3. Thành phần tham gia trong hồ sơ nghiệm thu

a) Đối với công việc mang tính chất thường xuyên

- Nghiệm thu theo ngày bằng hình thức sổ nhật ký: đơn vị cung ứng sản phẩm, dịch vụ công tự tổ chức ghi sổ nhật ký và nghiệm thu nội bộ.

- Nghiệm thu tháng: gồm cán bộ giám sát của chủ đầu tư (Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc các đơn vị được giao làm chủ đầu tư) và đại diện đơn vị thực hiện hợp đồng sản phẩm, dịch vụ công.

- Nghiệm thu định kỳ hàng quý, nghiệm thu theo công việc phát sinh:

+ Đối với chủ đầu tư là Ủy ban nhân dân cấp xã: Lãnh đạo phòng Kinh tế hoặc phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị chủ trì, phối hợp với các phòng, ban đơn vị có liên quan và đại diện đơn vị thực hiện hợp đồng cung ứng sản phẩm, dịch vụ công.

+ Đối với chủ đầu tư là các đơn vị được giao kinh phí thực hiện sản phẩm, dịch vụ công: Lãnh đạo phòng, ban chuyên môn trực thuộc chủ đầu tư chủ trì phối hợp với các phòng, ban đơn vị có liên quan, đơn vị tư vấn quản lý dự án (nếu có) và đại diện đơn vị thực hiện hợp đồng cung ứng sản phẩm, dịch vụ công.

+ Đối với chủ đầu tư là các đơn vị được Ủy ban nhân dân cấp xã giao làm chủ đầu tư, gồm đại diện chủ đầu tư (thủ trưởng đơn vị và cán bộ giám sát) và đại diện đơn vị thực hiện hợp đồng dịch vụ sản phẩm, dịch vụ công.

- Nghiệm thu giá trị thực hiện sản phẩm, dịch vụ công hàng năm:

+ Đối với chủ đầu tư là Ủy ban nhân dân cấp xã: Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì, phối hợp với đại diện đơn vị thực hiện Hợp đồng cung ứng sản phẩm, dịch vụ công để tổ chức nghiệm thu; thành phần gồm: Phòng Kinh tế hoặc phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị và các phòng, ban đơn vị có liên quan.

+ Đối với chủ đầu tư là các đơn vị được giao kinh phí thực hiện sản phẩm, dịch vụ công: Lãnh đạo đơn vị chủ trì, phối hợp với đại diện đơn vị thực hiện dịch vụ công ích, đại diện cơ quan tài chính cùng cấp và các phòng, ban chuyên môn trực thuộc chủ đầu tư, đơn vị tư vấn quản lý dự án (nếu có) để tổ chức nghiệm thu.

+ Đối với chủ đầu tư là các đơn vị được Ủy ban nhân dân cấp xã giao làm chủ đầu tư: Gồm đại diện chủ đầu tư (thủ trưởng đơn vị và cán bộ giám sát) và đại diện đơn vị thực hiện hợp đồng cung ứng sản phẩm, dịch vụ công.

b) Đối với công việc mang tính chất không thường xuyên

Chủ đầu tư chủ trì phối hợp với đơn vị thực hiện cung ứng sản phẩm, dịch vụ công tổ chức nghiệm thu theo tiến độ hoàn thành sản phẩm, dịch vụ công; thành phần tham gia nghiệm thu gồm: lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã (các đơn vị); lãnh đạo phòng, ban trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã (các đơn vị).

4. Thời gian nghiệm thu

a) Đối với công việc mang tính chất thường xuyên

- Nghiệm thu hàng tháng: Từ ngày 01 đến ngày 05 của tháng tiếp theo; thời gian nghiệm thu tháng cuối quý thực hiện cùng thời điểm nghiệm thu hàng quý;

- Nghiệm thu hàng quý: Từ ngày 01 đến ngày 05 của tháng liền kề tháng cuối quý;

- Nghiệm thu năm: Nghiệm thu vào tuần đầu tiên của năm tiếp theo trên cơ sở hợp đồng đã ký (thời gian để tính 01 năm bắt đầu từ ngày ký hợp đồng).

b) Đối với công việc mang tính chất không thường xuyên: Theo tiến độ hoàn thành công việc.

Điều 12. Nguyên tắc tạm ứng, thanh toán, quyết toán

Tạm ứng, thanh toán và quyết toán hợp đồng cung ứng sản phẩm, dịch vụ công được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 24, Điều 25 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP và theo các quy định hiện hành về hợp đồng của nhà nước.

Điều 13. Xử lý các trường hợp phát sinh khối lượng thực hiện sản phẩm, dịch vụ công

1. Trường hợp phát sinh khối lượng sử dụng ngân sách do Ủy ban nhân dân cấp xã cân đối: Ủy ban nhân dân cấp xã tự tổ chức thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện.

2. Trường hợp phát sinh khối lượng sử dụng ngân sách do Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối, Ủy ban nhân dân cấp xã (các đơn vị) tổ chức lập dự toán, trình thẩm định, phê duyệt theo quy định tại Điều 5 Quy định này và tổ chức lựa chọn đơn vị cung ứng sản phẩm, dịch vụ công theo quy định để triển khai thực hiện. Thời gian

lập, trình thẩm định, phê duyệt dự toán thực hiện tại thời điểm phát sinh khối lượng, công việc.

3. Trường hợp phát sinh khối lượng cần điều chỉnh cơ cấu nhưng không vượt dự toán đã được duyệt, đơn vị được giao nhiệm vụ tổ chức thực hiện dịch vụ sản phẩm, dịch vụ công thực hiện lập, thẩm định theo trình tự quy định, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Trách nhiệm của Sở Xây dựng

1. Chủ trì tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh về quản lý và tổ chức thực hiện các quy định về quản lý sản phẩm, dịch vụ công quy định tại Quy định này và các quy định pháp luật khác có liên quan; phối hợp với Sở Tài chính thẩm định dự toán kinh phí theo quy định.

2. Chủ trì trong việc lập, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành định mức, đơn giá; hướng dẫn áp dụng định mức, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công trên địa bàn tỉnh thuộc lĩnh vực ngành quản lý.

3. Định kỳ hoặc đột xuất chủ trì, phối hợp thanh, kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý sản phẩm, dịch vụ công trên địa bàn tỉnh thuộc lĩnh vực ngành quản lý trên địa bàn tỉnh.

4. Báo cáo hằng năm hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền về công tác quản lý sản phẩm, dịch vụ công theo quy định.

Điều 15. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan thẩm định đối với dự toán kinh phí theo thẩm quyền được phân cấp và có ý kiến về phương án giá dịch vụ (nếu có); thẩm định hoặc xét duyệt quyết toán kinh phí theo thẩm quyền được phân cấp và quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật hiện hành khác có liên quan.

2. Phối hợp có ý kiến với các Sở quản lý ngành, lĩnh vực tham mưu, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc ban hành mới danh mục sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước theo phân cấp và thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

3. Phối hợp với các Sở quản lý ngành, lĩnh vực hướng dẫn các cơ chế, chính sách về sản phẩm, dịch vụ công theo quy định hiện hành và phù hợp với thực tế địa phương.

4. Tham gia kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý sản phẩm, dịch vụ công theo chức năng quản lý của ngành.

Điều 16. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Lập, phê duyệt kế hoạch thực hiện sản phẩm, dịch vụ công sử dụng nguồn ngân sách xã, nguồn ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ (nếu có) thuộc phạm vi, địa bàn quản lý.

2. Tổ chức thực hiện lập dự toán chi phí, đề xuất phương thức thực hiện sản phẩm, dịch vụ công trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt.

3. Có văn bản giao nhiệm vụ cho phòng, ban, đơn vị trực thuộc tham mưu tổ chức thực hiện các quy định về quản lý chi phí, quản lý sản phẩm, dịch vụ công thuộc phạm vi và thẩm quyền quy định tại Quy định này và quy định của pháp luật hiện hành.

4. Tổ chức thực hiện quy trình lựa chọn nhà thầu cung ứng sản phẩm, dịch vụ công và ký kết hợp đồng thực hiện cung ứng sản phẩm, dịch vụ công theo quy định.

5. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp lý, hợp pháp của hồ sơ lập dự toán chi phí, hồ sơ lựa chọn đơn vị cung ứng sản phẩm, dịch vụ công, hồ sơ nghiệm thu; chất lượng, khối lượng công việc; quản lý, giám sát quá trình thực hiện hợp đồng đã ký kết với đơn vị cung ứng sản phẩm, dịch vụ công.

6. Chấp hành đúng các quy định về nghiệm thu, thanh quyết toán khối lượng thực hiện; tổ chức thực hiện công tác thu giá dịch vụ, phí bảo vệ môi trường đối với nước thải theo quy định; phối hợp với Sở Xây dựng trong công tác thanh tra, kiểm tra theo quy định.

7. Thực hiện công tác thanh, quyết toán với đơn vị cung ứng sản phẩm, dịch vụ công tuân thủ theo các quy định hiện hành.

8. Thực hiện quản lý tài sản của nhà nước đầu tư cho danh mục sản phẩm, dịch vụ công ích đô thị theo quy định của pháp luật hiện hành.

9. Hằng năm, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện hoặc báo cáo đột xuất (khi có yêu cầu) về Sở Xây dựng để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 17. Trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp và các đơn vị được giao kinh phí để thực hiện các sản phẩm, dịch vụ công (trừ UBND cấp xã đã quy định tại Điều 16).

1. Lập kế hoạch thực hiện sản phẩm, dịch vụ công để triển khai thực hiện.

2. Lập dự toán và phương thức thực hiện sản phẩm, dịch vụ công trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định theo quy định tại Điều 4 Quy định này.

3. Sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt dự toán và phương thức thực hiện, phê duyệt dự toán chi tiết, giá gói thầu; tổ chức lựa chọn và ký hợp đồng thực hiện sản phẩm, dịch vụ công với đơn vị cung ứng dịch vụ sản phẩm, dịch vụ công.

4. Quản lý, giám sát quá trình thực hiện hợp đồng cả về quy trình, khối lượng, thời gian và chất lượng đối với các dịch vụ sản phẩm, dịch vụ công do tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp thực hiện đối với nội dung công việc được giao quản lý, thực hiện.

5. Thực hiện thu, quản lý, sử dụng các khoản phí, giá dịch vụ (nếu có) theo quy định của pháp luật và quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

6. Thực hiện chế độ thống kê, hạch toán chi phí, quyết toán kinh phí; chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền; Hằng năm, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện hoặc báo cáo đột xuất (khi có yêu cầu) về Sở Xây dựng để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

7. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao và các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Trách nhiệm của các đơn vị cung ứng sản phẩm, dịch vụ công

1. Tổ chức cung ứng sản phẩm, dịch vụ công theo đúng hợp đồng đã ký kết, đảm bảo quy trình kỹ thuật và chất lượng theo quy định.

2. Thực hiện theo kế hoạch và hợp đồng thực hiện sản phẩm, dịch vụ công hàng tháng, quý, năm do chủ đầu tư phê duyệt theo quy định.

3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về đảm bảo an toàn lao động và an toàn giao thông trong quá trình thực hiện các dịch vụ công ích.

4. Thực hiện nghiêm các quy định về quản lý đô thị, giữ gìn, bảo vệ tài sản nhà nước trong quá trình cung ứng sản phẩm, dịch vụ công đô thị.

5. Chấp hành việc kiểm tra, giám sát của các cơ quan chức năng của Ủy ban nhân dân cấp xã (các đơn vị) trong quá trình thực hiện cung ứng các dịch vụ công ích. Phản ánh kịp thời với các cơ quan chức năng thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã (các đơn vị) những tồn tại khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện sản phẩm, dịch vụ công trên địa bàn.

6. Tổ chức triển khai thu giá đối với các sản phẩm, dịch vụ công khi được cấp có thẩm quyền quy định bằng văn bản.

Điều 19. Điều khoản thi hành

1. Xử lý chuyển tiếp

a) Đối với các hợp đồng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công đã được đặt hàng hoặc đã tổ chức đấu thầu thực hiện trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện cho đến hết năm 2025.

b) Đối với các gói thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước đang trong quá trình thực hiện lựa chọn đơn vị thực hiện đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công đến thời điểm Quyết định này có hiệu lực thi hành thì các bước tiếp theo được thực hiện theo quy định tại Quyết định này.

c) Đối với các gói thầu sản phẩm, dịch vụ công đang áp dụng định mức tỷ lệ chi phí quản lý chung do cấp có thẩm quyền ban hành trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành để xác định giá gói thầu, đã ký kết hợp đồng thì trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên tham gia ký kết hợp đồng tổ chức rà soát, cập nhật các đơn giá trong giá trị nghiệm thu, thanh toán hợp đồng đảm bảo đúng theo quy định.

2. Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu có phát sinh vướng mắc yêu cầu các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung theo quy định của pháp luật./.

Phụ lục số 01:
HƯỚNG DẪN LẬP DỰ TOÁN CHI PHÍ QUẢN LÝ, GIÁM SÁT VÀ CÁC
CHI PHÍ KHÁC TRONG DỰ TOÁN SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG

*(Kèm theo Quyết định số: /2025/QĐ-UBND ngày tháng 12 năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ)*

I. Chi phí quản lý, giám sát sản phẩm, dịch vụ công đối với trường hợp cơ quan quản lý Nhà nước trực tiếp quản lý, giám sát:

Chi phí quản lý, giám sát sản phẩm, dịch vụ công đối với trường hợp cơ quan quản lý Nhà nước được giao nhiệm vụ trực tiếp quản lý, giám sát tổ chức thực hiện theo yêu cầu thực tế của công việc và yêu cầu quản lý, nguồn lực của đơn vị được giao quản lý, giám sát sản phẩm, dịch vụ công. Các chi phí cho các công tác này được xác định bằng dự toán trên cơ sở nội dung, khối lượng công việc phải thực hiện; thời gian, số lượng người dự kiến thực hiện và các quy định của nhà nước về chế độ có liên quan. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của tổ chức thực hiện công tác quản lý, giám sát sản phẩm, dịch vụ công để thực hiện chi tiêu các chi phí này cho phù hợp với quy định tương ứng.

II. Chi phí quản lý, giám sát sản phẩm, dịch vụ công đối với trường hợp đơn vị sự nghiệp hoặc đơn vị tư vấn được thuê trực tiếp giám sát căn cứ vào khối lượng công việc, nội dung công việc, số lượng nhân lực, đặc điểm, điều kiện thực tế thực hiện, yêu cầu đối với từng loại dịch vụ xác định bằng dự toán:

1. Công thức xác định dự toán chi phí

$$C_{gs,ql} = C_{NL} + C_{ql} + C_k + TN + VAT + C_{dp}$$

Trong đó:

- $C_{gs,ql}$: Chi phí của công việc quản lý, giám sát cần lập dự toán.
- C_{NL} : Chi phí nhân lực trực tiếp tham gia giám sát.
- C_{ql} : Chi phí quản lý.
- C_k : Chi phí khác.
- TN: Thu nhập chịu thuế tính trước.
- VAT: Thuế giá trị gia tăng.
- C_{dp} : Chi phí dự phòng.

2. Cách xác định các thành phần chi phí của dự toán chi phí

2.1. Chi phí chuyên gia, nhân lực ($C_{cg,nl}$):

Xác định theo số lượng nhân lực, thời gian làm việc của nhân lực và tiền lương của nhân lực trực tiếp giám sát sản phẩm, dịch vụ công.

Số lượng chuyên gia, nhân lực (gồm các kỹ sư, kỹ thuật viên) được xác định theo yêu cầu cụ thể của từng loại sản phẩm, dịch vụ công, yêu cầu về tiến độ thực hiện công việc, trình độ chuyên môn của từng loại nhân lực.

Tiền lương chuyên gia, nhân lực được xác định trên cơ sở mức tiền lương được xác định theo Thông tư số 004/2025/TT-BNV ngày 07 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mức lương của chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở cho việc xác định giá gói thầu làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn nhà nước.

2.2. Chi phí quản lý (C_{ql}):

Chi phí quản lý là khoản chi phí liên quan đến tiền lương của bộ phận quản lý, chi phí duy trì hoạt động của đơn vị sự nghiệp hoặc của đơn vị tư vấn, chi phí văn phòng làm việc, các khoản chi phí bảo hiểm thuộc trách nhiệm của đơn vị sự nghiệp phải đóng. Chi phí quản lý xác định bằng 45% của chi phí chuyên gia, nhân lực.

2.3. Chi phí khác (C_k) gồm:

Chi phí mua tài liệu, số liệu, văn phòng phẩm, phần mềm giám sát, quản lý (nếu có); chi phí khấu hao thiết bị; chi phí đi lại của nhân lực; chi phí lưu trữ; chi phí hội nghị, hội thảo và các khoản chi phí khác (nếu có).

Chi phí mua tài liệu, số liệu, văn phòng phẩm, phần mềm giám sát sản phẩm, dịch vụ công nếu có (nếu có): Dự kiến trên cơ sở yêu cầu cần thiết để thực hiện sản phẩm, dịch vụ công.

Chi phí khấu hao thiết bị: Dự kiến trên cơ sở yêu cầu về số lượng thiết bị, thời gian sử dụng thiết bị cần thiết để thực hiện từng loại sản phẩm, dịch vụ công và giá thiết bị phổ biến trên thị trường.

Chi phí hội nghị, hội thảo: Dự kiến trên cơ sở nhu cầu cần thiết của từng loại sản phẩm, dịch vụ công. Các khoản chi phí khác xác định trên cơ sở dự kiến nhu cầu thực hiện của từng loại sản phẩm, dịch vụ.

2.4. Thu nhập chịu thuế tính trước (TN): Xác định bằng 5% của (Chi phí chuyên gia, nhân lực + Chi phí quản lý + Chi phí khác).

2.5. Thuế giá trị gia tăng (VAT): Xác định theo quy định hiện hành.

2.6. Chi phí dự phòng (C_{dp}): Là khoản chi phí dự kiến cho những công việc phát sinh trong quá trình thực hiện công việc. Chi phí dự phòng xác định tối đa bằng 10% so với toàn bộ các khoản mục chi phí.

III. Các chi phí khác

- Chi phí tư vấn khảo sát; thẩm định giá (nếu có); lập, thẩm tra dự toán được xác định bằng lập dự toán chi phí. Mức lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước được xác định theo Thông tư số 004/2025/TT-BNV ngày 07 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mức lương của chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở cho việc xác định giá gói thầu làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn nhà nước;

- Chi phí lựa chọn nhà thầu cung cấp dịch vụ liên quan đến lập hồ sơ yêu cầu, hồ sơ mời thầu; các chi phí khác có liên quan (nếu có)... được xác định bằng tỷ lệ phần trăm hoặc xác định bằng lập dự toán.

- Tổng hợp dự toán chi phí khác phải lập dự toán theo Bảng tổng hợp tại mục IV.

IV. Bảng tổng hợp dự toán chi phí khác phải lập dự toán

Đơn vị tính: Đồng

TT	Khoản mục chi phí	Diễn giải	Giá trị (đồng)	Ghi chú
1	Chi phí chuyên gia, nhân lực			C_{CG-NL}
2	Chi phí quản lý	$(45\%)*C_{CG-NL}$		C_{ql}
3	Chi phí khác			C_k
4	Thu nhập chịu thuế tính trước	$5\%*(C_{CG-NL}+C_{ql}+C_k)$		TN
5	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)	$\%*(C_{CG-NL}+C_{ql}+C_k+TN)$		VAT
6	Chi phí dự phòng	$10\%*(C_{CG-NL}+C_{ql}+C_k+TN+VAT)$		C_{dp}
	Tổng cộng:	$C_{CG-NL}+C_{ql}+C_k+TN+VAT+ C_{dp}$		C_{tv}

(Bằng chữ:đồng)

....., ngày.....tháng....năm.....

Người lập dự toán

Người kiểm tra

Phụ lục số 02:

TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI PHÍ SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG
 (Kèm theo Quyết định số: /2025/QĐ-UBND ngày tháng 12 năm 2025
 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ)

Đơn vị tính: Đồng

TT	NỘI DUNG CHI PHÍ	CÁCH TÍNH	KÝ HIỆU
1	Chi phí trực tiếp (CPTT)	VL+NC+M	(CPTT)
1.1	Chi phí vật liệu	$ađg + a1 + a2$	VL
	- Vật liệu theo đơn giá		$ađg$
	- Bù trừ vật liệu		a1
	- Bù vận chuyển		a2
1.2	Chi phí nhân công	NC = b1	NC
	Chi phí nhân công theo từng địa bàn	$bđg$	b1
1.3	Chi phí máy thi công	$M = c1 + c2$	M
	Chi phí ca xe, máy, thiết bị thi công theo từng địa bàn	$cđg$	c1
	Bù trừ chi phí nhiên liệu		c2
2	Chi phí quản lý chung (C)	NC x tỷ lệ ; M x tỷ lệ	C
3	Lợi nhuận định mức (LN)	$(CPTT + C) \times \text{tỷ lệ}$	TL
4	Thuế giá trị gia tăng (nếu có) (T)	T	T
	Dự toán chi phí sản phẩm, dịch vụ công (DT_{CP})	$CP_{TT} + C + TL + T$	

(Bảng chữ:đồng)

....., ngày.....tháng....năm.....

Người lập dự toán**Người kiểm tra**

Ghi chú: Việc lập dự toán chi phí sản phẩm, dịch vụ công trên cơ sở công tác khảo sát, lập Kế hoạch theo định kỳ hoặc Nhiệm vụ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao.

Phụ lục số 03**TỔNG DỰ TOÁN CHI PHÍ SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG**

(Kèm theo Quyết định số: /2025/QĐ-UBND ngày tháng 12 năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ)

Đơn vị tính: Đồng

TT	NỘI DUNG CHI PHÍ	CÁCH TÍNH	KÝ HIỆU
I	Chi phí trực tiếp (CPTT)	VL+NC+M	(CPTT)
1	Chi phí trực tiếp sản phẩm, dịch vụ 1	Bảng dự toán	
2	Chi phí trực tiếp sản phẩm, dịch vụ 2	Bảng dự toán	
	...		
II	Chi phí quản lý (QL)		QL
1	Chi phí quản lý sản phẩm, dịch vụ 1	Bảng dự toán	
2	Chi phí quản lý sản phẩm, dịch vụ 2	Bảng dự toán	
	...		
III	Chi phí khác		CK
1	Chi phí khảo sát; lập, thẩm tra dự toán các sản phẩm, dịch vụ	Bảng dự toán	CK1
2	Chi phí giám sát các sản phẩm, dịch vụ	nt	CK2
3	Các chi phí: Tư vấn đầu thầu; Tư vấn thẩm định giá (nếu có); thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu; các khoản dự phòng (nếu có)...	nt	CK3,..CK _n
	Tổng cộng:	I+II+III	TC

(Bảng chữ:đồng)

Người lập dự toán

....., ngày.....tháng....năm.....

Người kiểm tra